

**DIGITAL TRANSFORMATION IN TEACHING AND LEARNING AT HANOI  
LAW UNIVERSITY MEETING REQUIREMENTS OF CURRENT  
EDUCATION INNOVATION PRACTICE**

*Vu Van Tuan*

*Hanoi Law University, Vietnam*

*Email: [tuanvv@hlu.edu.vn](mailto:tuanvv@hlu.edu.vn)*

*DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2022/733>*

---

**Article info**

*Received: 10/10/2021*

*Revised: 18/12/2021*

*Accepted: 8/3/2022*

---

**Keywords:**

*Digital transformation,  
Technology 4.0, higher  
education, current  
trend, digital resources*

---

**Abstract:**

In the trend of global integration, especially the profound impact of Technology 4.0, the role of digital transformation in all fields is an indispensable requirement for all aspects of life. Within the small scope of this article, the author only mentioned the digital transformation in higher education through ongoing evidences at Hanoi Law University. The article consisted of three main parts which were: Part 1, the author gave a general overview of the concept of digital transformation in higher education, Part 2, the author mentioned the reality of digital transformation in teaching and learning at Hanoi Law University, and Part 3, the author suggested some solutions and recommendations to improve the effectiveness of the digital transformation process in teaching and learning at Hanoi Law University. This article would provide practical reference information for school administrators to renovate school development policies when implementing digital transformation, give teachers more information to change themselves keeping up with the trend of the digital age, make learners aware of the importance of self-study, self-research as well as the exploitation of digital resources, and the outcomes would serve as a useful reference source for future studies.

---



## CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỰC TIỄN ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HIỆN NAY

Vũ Văn Tuấn

Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam

Email: [tuanvv@hlu.edu.vn](mailto:tuanvv@hlu.edu.vn)

DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2022/733>

Thông tin bài viết	Tóm tắt
<p>Ngày nhận bài: 10/10/2021</p> <p>Ngày sửa bài: 18/12/2021</p> <p>Ngày duyệt đăng: 5/3/2022</p>	<p>Trong xu thế hội nhập quốc tế, đặc biệt là sự tác động sâu sắc của Công nghệ 4.0, vai trò chuyển đổi số trong các lĩnh vực là một yêu cầu tất yếu đối với mọi mặt của đời sống. Trong giới hạn của bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học thông qua những minh chứng đang diễn ra tại trường Đại học Luật Hà Nội. Bài viết bao gồm 3 phần chính đó là: Phần 1 tác giả nêu khái quát chung về khái niệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học, Phần 2 tác giả đề cập đến thực trạng chuyển đổi số trong việc dạy và học tại trường Đại học Luật Hà Nội, và Phần 3 tác giả nêu lên những giải pháp, khuyến nghị nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong dạy-học tại trường Đại học Luật Hà Nội. Bài viết này sẽ cung cấp thông tin tham khảo thực tiễn cho các nhà quản trị trường học trong việc hoạch định chính sách phát triển của nhà trường khi thực hiện chuyển đổi số, cho giảng viên biết thêm thông tin để thay đổi chính mình bắt kịp với xu thế thời đại số, cho người học nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, nghiên cứu khai thác tài nguyên số, và là nguồn tham khảo hữu ích phục vụ các nghiên cứu sau này.</p>
<p><b>Từ khóa:</b></p> <p><i>Chuyển đổi số, Công nghệ 4.0, giáo dục đại học, xu thế thời đại</i></p>	

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, nhu cầu chuyển đổi số trong xã hội ngày càng được chú trọng và gia tăng nhằm góp phần đơn giản hóa, tăng tính hiệu quả đối với các hoạt động liên quan đến công việc bàn giấy hoặc thủ tục hành chính. Trên thực tế, các hoạt động diễn ra trong không gian mạng đang phát huy tốt vai trò của mình, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh diễn ra khi con người phải hạn chế tiếp xúc trực tiếp thông qua minh chứng của đại dịch COVID-19 hiện nay, góp phần thúc đẩy toàn cầu hóa các hoạt động trao đổi thông tin một cách hiệu quả nhanh chóng như hội nghị truyền hình, hay chữ ký số điện tử. Đứng trước nhu cầu, thách thức và khó khăn của công cuộc chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực của đời sống, các

cơ sở giáo dục đại học xác định sứ mệnh tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, cung ứng các dịch vụ đào tạo tiện ích cho người có nhu cầu sử dụng một cách hiệu quả nhất.

Theo quan điểm được nêu ra trong “Cẩm nang chuyển đổi số” do Bộ Thông tin và Truyền thông ấn hành tái bản năm 2021 [1] cho rằng “Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số” (trang 21). Như vậy chuyển đổi số là cách thức hoạt động dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, trong đó công nghệ số đề cập đến công nghệ xử lý tín hiệu số, hay ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Không thể phủ nhận được

tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu sắc của chuyển đổi số đang diễn ra trong mọi mặt của đời sống hiện nay. Tuy vậy, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ tập trung làm rõ sự tác động tích cực của chuyển đổi số trong phạm vi hẹp đó là ở cơ sở giáo dục đại học, cụ thể đó là nghiên cứu điển hình tại Đại học Luật Hà Nội làm khách thể nghiên cứu.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề liên quan đến chuyển đổi số trong tình hình hiện nay

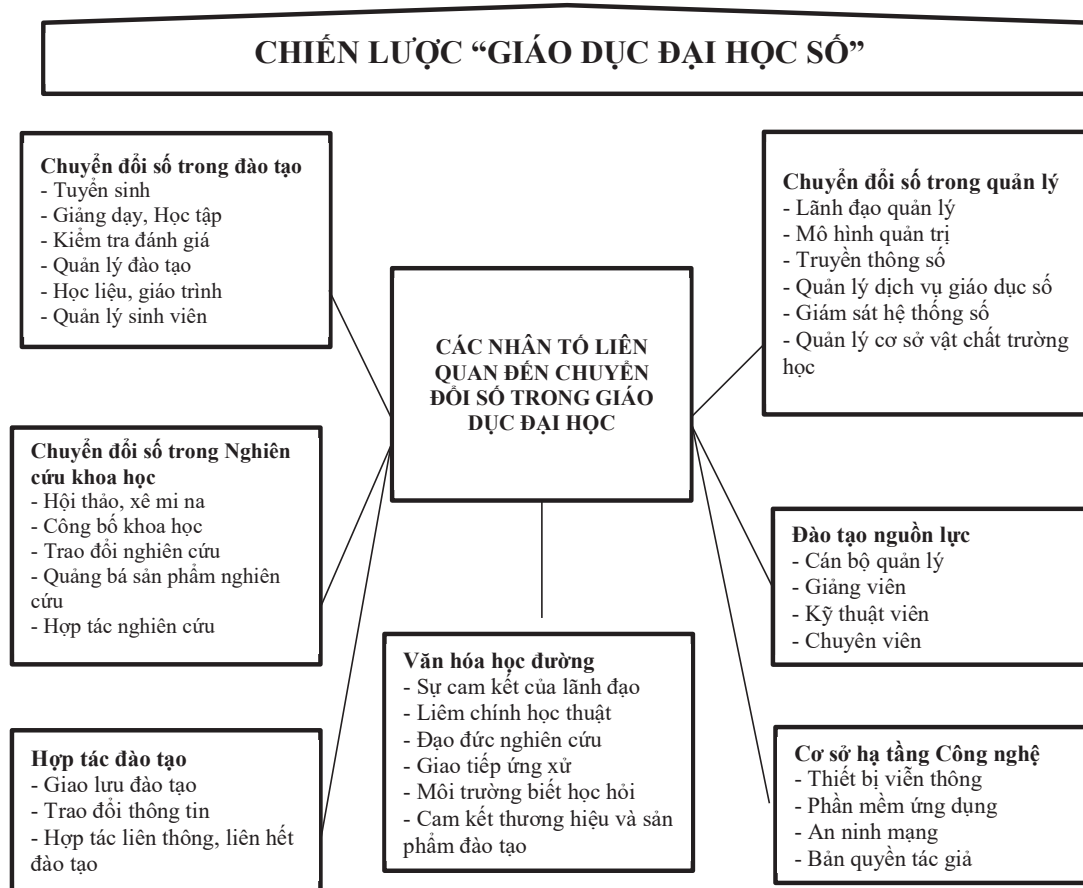
Trước hết hiểu một cách đơn giản về chuyển đổi số trong giáo dục đó là một quá trình chuyển đổi cách thức quản lý giáo dục đào tạo truyền thống sang một phương pháp giáo dục hiện đại ứng dụng Công nghệ thông tin vào trong các hoạt động giáo dục và đào tạo. Chuyển đổi số bao gồm thay đổi cách quản lý cơ sở vật chất, các hình thức giáo dục và đào tạo, phương thức dạy học, phương thức quản lý quá trình dạy và học, khai thác tối đa điểm mạnh của việc ứng dụng công nghệ giáo dục hướng đến nền giáo dục chất lượng cao. Các nghiên cứu trước đây [2]-[5] đã khẳng định rằng chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng mang lại cơ hội khai thác, ứng dụng triệt để công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy sự chuyển biến, thay đổi nhanh chóng về mô hình giáo dục và đào tạo, cách thức tổ chức, và đổi mới phương pháp dạy-học trong và ngoài nhà trường. Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số đặt ra trong giai đoạn hiện nay, Nhà trường cần hiểu đúng, nắm rõ bản chất của chuyển đổi số là gì, cần đánh giá đúng thực trạng nội lực hiện tại để xây dựng phương hướng, lộ trình cụ thể đối với công cuộc chuyển đổi số một cách linh hoạt, chủ động, hợp lý để nhanh chóng nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả đào tạo, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng nhu cầu đào tạo, thị trường lao động chất lượng cao, sản phẩm Nghiên cứu giáo dục có chất lượng, tạo được thương hiệu cơ sở giáo dục có sức cạnh tranh, phát triển bền vững.

Cũng có những quan ngại cho rằng nếu giáo dục đại học chủ yếu dựa vào ứng dụng Công nghệ thông tin, điều này sẽ có ảnh hưởng tiêu cực, làm mất đi bản sắc của giáo dục truyền thống, mất đi vai trò tối ưu của người Thầy trong quá trình dạy và học. Bên cạnh đó mối quan hệ Thầy-Trò sẽ không còn gắn kết để phát triển toàn diện mà người học sẽ tương tác với thế giới ảo, với “người thầy ảo” trên không gian mạng để giải đáp mọi thắc mắc và lĩnh hội tri thức. Như vậy, giáo dục đại học sẽ mất đi bản chất vốn có của mình đó là xây dựng mối tương quan gắn kết thực giữa người Thầy-Trò trong quá trình phát triển trí thức và nhân cách, dưới sự ảnh hưởng nhân cách của người Thầy, người học sẽ hoàn thiện mọi mặt hơn khi tiếp xúc trực tiếp trên giảng đường. Tuy nhiên các nghiên

cứu [2], [3], [6] đã cho thấy rằng về bản chất, chuyển đổi số không thay đổi giá trị cốt lõi hay mô hình của một tổ chức giáo dục đại học mà là sự chuyển đổi hoạt động cốt lõi thông qua công nghệ giáo dục và nền tảng số, đồng thời khai thác tiềm năng ưu việt mà chuyển đổi số mang lại. Nói một cách đơn giản hơn sự giao thoa giữa chiến lược đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy phản ánh bản chất của giáo dục đại học kỹ nguyên số hiện nay. Xã hội tri thức cần sự phát triển đồng bộ của tài nguyên số, điều này được phản ánh rõ trong môi trường giáo dục đại học. Mô hình đào tạo đại học ứng dụng và đại học nghiên cứu đang được áp dụng phổ biến trong nước ta hiện nay. Với sự chuyển đổi số như hiện tại, khái niệm mới được hình thành đó là mô hình “Giáo dục đại học số”, mô hình này được làm phản ánh rõ trong lộ trình số trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 [7] đã xác định giáo dục và đào tạo là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện. Ngày 28/01/2022 Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam [8] đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Một trong những mục tiêu cụ thể của Đề án là đến năm 2025 là hoàn thiện mô hình “Giáo dục đại học số” và thí điểm triển khai mô hình tại một số cơ sở giáo dục đại học, và cho đến năm 2030 sẽ hoàn thiện và mở rộng triển khai mô hình “Giáo dục đại học số” tới tối thiểu 50% các trường đại học công lập trong toàn quốc [9]. Để chuyển đổi số cần phải áp dụng đồng bộ, toàn diện nhiều giải pháp nhưng cần trọng tâm vào khâu yếu của Nhà trường. Cần lưu ý rằng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ công tác dạy và học, đó là sự thay đổi về mặt nhận thức, tạo lập nên môi trường học tập số, học liệu số. Điều này đòi hỏi phải thay đổi phương pháp dạy và học, qua đó hình thành nên những học viên số và giảng viên số. Đây là một trong những trở ngại không nhỏ khi tác động nhằm thay đổi thái độ từ phía người học và người dạy. Trên thực tế mô hình giáo dục đại học đã có sự chuyển biến từ vai trò giảng viên là trung tâm sang người học làm trung tâm. Nói cách khác giáo dục đại học trước đây là sự trải nghiệm mang tính đại trà thì hiện nay giáo dục tập trung phát triển cá nhân hóa đến từng người học với việc thay đổi mô hình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, phát huy tính tự chủ của người học trong quá trình đào tạo [10]. Như vậy, phương pháp giảng dạy, tài liệu, học liệu giáo dục cần đổi mới theo hướng đa dạng và linh hoạt hơn cho phép thay đổi để thích nghi với cách học, tốc độ tiếp thu kiến thức của mỗi người học chứ không theo

mô hình đào tạo truyền thống đó là phương pháp một chiều, giảng viên toàn quyền trong lớp học, người học tuyệt đối tuân thủ và điều chỉnh làm quen với phương pháp giảng dạy của người thầy trên lớp học. Trong mô hình “giáo dục đại học số”, vai trò của người thầy “truyền thống” đã phai mờ, đòi hỏi người thầy phải thay đổi phương pháp giảng dạy từ người truyền thụ kiến thức sang vai trò người tổ chức, người hỗ trợ, người tư vấn, người hướng dẫn các hoạt động hợp giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học, tự tiếp nhận tri thức và vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống gắn liền với mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [11]. Vì vậy, giảng viên phải tự đào tạo

nâng cao năng lực sư phạm, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin, làm chủ các thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin thay đổi phương pháp truyền đạt kiến thức dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ giáo dục. Nói một cách khác đó là giảng viên phải tự nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kết hợp với chuyên đổi số nhằm thay đổi phương pháp giáo dục đào tạo đại học. Đây cũng là những thách thức không nhỏ với đội ngũ giảng viên hiện nay, và cần có sự chung tay của Nhà trường trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển đội ngũ giảng viên tiếp cận với công nghệ giáo dục đang phát triển như vũ bão hiện nay.



Hình 1. Mô hình chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Trong phạm vi môi trường giáo dục và đào tạo chuyển đổi số có thể thay đổi toàn diện và đầy đủ mà không cần thiết đòi hỏi giao tiếp trực tiếp trong hầu hết các trường hợp. Phương thức giao tiếp có thể thực hiện từ xa, thông qua ứng dụng Công nghệ thông tin can thiệp vào quá trình giao tiếp này. Xét về khía cạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, có hai nội dung chính mà chuyển đổi số được thực hiện một cách toàn diện đó là (1) chuyển đổi số trong quản trị trường học, và (2) chuyển đổi số trong hoạt động giảng dạy, trong học tập, trong kiểm tra, đánh giá,

trong nghiên cứu khoa học, trong số hóa nguồn học liệu, và trong hợp tác quốc tế. Chuyển đổi số không chỉ là số hóa bài giảng, hay ứng dụng các phần mềm vào xây dựng bài giảng mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy hiệu quả. Ngoài ra, toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của người học cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ thông tin chứ không phải thông qua hệ thống hồ sơ sổ sách lưu trữ.

## 2.2. Thực trạng chuyển đổi số trong việc dạy và học tại trường Đại học Luật Hà Nội

Để đánh giá thực trạng của việc áp dụng chuyển đổi số vào trong giảng dạy, tác giả kết hợp phương pháp định tính và định lượng vào điều tra thông qua phiếu khảo sát miêu tả đối với sinh viên và thực hiện bán phỏng vấn với giảng viên nhằm có được thông tin đa chiều. Phiếu điều tra câu hỏi được tác giả xây dựng dựa trên 5 vấn đề đó là: A. Điều kiện kỹ thuật; B. Thiết bị phục vụ; C. Mối quan hệ sinh viên; D. Tương tác lớp học; E. Cảm nhận học trực tuyến. Các câu hỏi được thiết kế để người tham gia đánh giá vào 5 mức độ (1) rất không hài lòng, (2) không hài lòng, (3) không rõ quan điểm, (4) hài lòng, và (5) rất hài lòng. Phiếu điều

tra được mã hóa sử dụng ứng dụng Google form để khai thác thông tin từ phía 57 sinh viên do người phỏng vấn lựa chọn ngẫu nhiên ở 2 lớp Luật chung và Ngôn ngữ Anh, cụ thể 26 sinh viên nam chiếm 45.6% và 31 sinh viên nữ chiếm 54.4%. 5 mức độ nhận xét sẽ được tính toán và xác định theo mức đo khoảng do Likert đề xuất đó là: (1.0 – 1.80) rất kém; (1.81 – 2.60) kém; (2.61 – 3.40) trung bình; (3.41 – 4.20) tốt; (4.21 – 5.0) rất tốt. Bên cạnh đó tác giả trực tiếp thực hiện bán phỏng vấn với 17 giảng viên thông qua giao tiếp thông thường dựa trên 5 chủ điểm chính, cụ thể: (1) thuận tiện tương tác, (2) đào tạo giảng viên, (3) kết hợp giảng dạy và đánh giá trên nền tảng trực tuyến, (4) đánh giá hiệu quả giảng dạy, (5) hướng dẫn tự học. Kết quả đã thể hiện như sau:

**Bảng 1. Quan điểm của người học đối với học trực tuyến**

	Mẫu	Trung vị	Độ lệch chuẩn	Cấp độ
<b>A) Điều kiện kỹ thuật</b>				
1. Việc chuẩn bị kỹ thuật gặp thách thức như thế nào trong quá trình chuyển đổi sang giáo dục trực tuyến?	57	2.93	.476	Trung bình
2. Khó khăn như thế nào khi tham gia các lớp học và hoàn thành bài tập trực tuyến?	57	2.53	.466	Trung bình
3. Nền tảng chia sẻ chương trình giảng dạy được giảng viên sử dụng phù hợp như thế nào?	57	3.73	.620	Tốt
4. Nền tảng công nghệ phù hợp với dạy trực tuyến trong học kỳ như thế nào?	57	3.67	.809	Tốt
5. Bạn cho rằng việc nhận thông tin hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng hệ thống là hữu ích?	57	2.25	.557	Trung bình
<b>B) Thiết bị phục vụ</b>				
1. Nếu bạn đã có cơ hội sử dụng các phòng thực hành của nhà trường thay vì máy tính của riêng bạn, bạn có thể nắm bắt cơ hội đó như thế nào?	57	2.26	.577	Trung bình
2. Các công cụ phục vụ học tập của chính bạn hoặc nhà trường cung cấp có giúp bạn học chương trình giảng dạy tốt hơn không?	57	3.90	.604	Tốt
3) Các công cụ của chính mình đã đáp ứng các yêu cầu hệ thống về chủ đề đã cho ở mức độ nào?	57	3.70	.744	Tốt
4. Khó khăn như thế nào khi sử dụng phần mềm phục vụ học tập?	57	2.74	.635	Trung bình
5. Trong tương lai, bạn muốn sử dụng các nguồn dữ liệu học tập của riêng mình hay không?	57	2.75	.692	Trung bình
<b>C) Mối quan hệ sinh viên</b>				
1. Học trực tuyến đã ảnh hưởng tiêu cực như thế nào đến việc tiếp xúc với các bạn khác trong trường?	57	1.88	.747	Không tốt
2. Bạn có thường xuyên yêu cầu bạn mình giúp đỡ trong quá trình học trực tuyến không?	57	1.44	.864	Rất ít khi
3. Việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ các bạn khác chỉ vì mục đích học tập duy nhất	57	2.20	.661	Thấp
4. Các cuộc tụ họp sinh viên trực tuyến KHÔNG vì mục đích học tập thường xuyên như thế nào?	57	3.68	.529	Rất thường xuyên
5. Bạn mong muốn được gặp trực tiếp các bạn học của mình đến mức nào?	57	3.72	.559	Rất mong muốn
<b>D) Tương tác lớp học</b>				



1. Đối với bạn, giảng viên sử dụng webcam trong giờ học quan trọng như thế nào?	57	2.72	.621	<i>Bình thường</i>
2. Theo ý kiến của bạn, bạn có thể tìm hiểu tài liệu bài học tốt hơn trong trường hợp thường xuyên phải hiện diện hình ảnh cá nhân trong lớp học trực tuyến?	57	1.72	.601	<i>Không nên</i>
3. Đối với bạn, việc tiếp xúc bằng lời nói hàng tuần với giáo viên quan trọng như thế nào?	57	3.65	.596	<i>Quan trọng</i>
4. Nếu bạn có thể đặt câu hỏi trong giờ học với giảng viên thì việc hiểu môn học sẽ rất hiệu quả	57	3.33	.424	<i>Tốt</i>
5. Bạn thích tiếp tục tham gia tương tác trong các bài học trực tuyến trong tương lai	57	2.77	.524	<i>Không rõ quan điểm</i>
<b>E) Cảm nhận học trực tuyến</b>				
1. Bạn phải đối mặt nhiều thử thách để thích nghi với hoàn cảnh học trực tuyến	57	3.63	.938	<i>Nhiều thử thách</i>
2. Bạn gặp khó khăn để thích nghi với việc học trực tuyến.	57	1.98	.909	<i>Không gặp khó khăn</i>
3. Bạn mong muốn được tương tác nhiều trong các bài học trực tuyến	57	3.70	.944	<i>Mong muốn nhiều</i>
4. Bạn cho rằng giáo dục trực tuyến mang lại hiệu quả cao đối với mình	57	2.82	.826	<i>Chưa xác định</i>
5. Bạn đã thích nghi tốt với giáo dục trực tuyến và mong muốn tiếp tục học trực tuyến	57	1.79	.881	<i>Không mong muốn</i>

Thông qua số liệu trong Bảng 1 ta thấy rằng về điều kiện phục vụ cho học tập, sinh viên chưa đánh giá cao thiết bị của nhà trường phục vụ cho công việc số hóa trong dạy và học. Nguyên nhân có thể là do sinh viên chưa được đào tạo khai thác sử dụng triệt để hệ thống phục vụ cho việc học tập đó. Kết quả này cũng phần nào đó giống như trong nghiên cứu của [2], [6], [11] về điều kiện đảm bảo cho việc dạy-học trực tuyến. Trong phần này sinh viên đã đánh giá tốt nền tảng phục vụ cho việc dạy và học trực tuyến. Sinh viên cũng bày tỏ quan điểm cho rằng thiết bị phục vụ cho việc học trực tuyến vẫn chưa đáp ứng như mong đợi của họ. Mặc dù các thiết bị phần cứng như máy tính, điện thoại, và máy tính bảng phục vụ cho việc khai thác tài nguyên số không có vấn đề gì nhưng các phần mềm để phục vụ cho việc khai thác tài nguyên số đó vẫn chưa thuyết phục sinh viên tham gia. Khi xem xét về nhu cầu của sinh viên phát triển mối quan hệ với bạn bè trong trường qua nền tảng trực tuyến, sinh viên hoàn toàn không mong muốn học trực tuyến ( $M = 1.88$ ;  $SD = .747\%$ ) và có nguyện vọng được học trực tiếp để giao lưu với bạn bè ( $M = 3.72$ ;  $SD = .559\%$ ). Ngoài ra sinh viên không có nhu cầu tìm kiếm sự giúp đỡ của bạn bè trên nền tảng học trực tuyến. Đối với việc tương tác trên lớp học, sinh viên cho rằng không nên yêu cầu sinh viên phải hiện diện hình ảnh trong quá trình tìm kiếm tài liệu trực tuyến ( $M = 1.72$ ), và việc giao tiếp hay đặt câu hỏi với giảng viên trên hệ thống lớp học trực tuyến là quan trọng vì giúp sinh viên hiểu hơn về bài học. Nhưng sinh viên cũng không có quan điểm rõ ràng về việc thích tham gia vào học trực tuyến trong tương lai ( $M = 2.77$ ). Từ kết quả trên cho thấy rằng sự tương tác trong quá trình giảng dạy là rất cần thiết đối với người học trong mọi hình thức đào tạo trực tuyến hay trực tiếp trên lớp học. Khi có sự trao đổi ngay tức

thì, mọi khúc mắc của giảng viên cũng như sinh viên sẽ được giải đáp một cách thỏa đáng. Tuy nhiên, có thể việc trao đổi trực tuyến gặp một số khó khăn nên sinh viên chưa có quan điểm rõ ràng khi hỏi về việc họ có tiếp tục muốn học trực tuyến trong tương lai. Cảm nhận của sinh viên đối với việc học trực tuyến không có nhiều khó khăn hay thử thách để thích nghi điều này chứng tỏ rằng khả năng sử dụng công nghệ thông tin vào học tập của sinh viên là khá tốt. Bên cạnh đó sinh viên rất mong muốn mình được quan tâm, trao đổi học hỏi hơn nữa trên không gian mạng nơi mà giảng viên gặp khó trong việc bao quát lớp học để kịp thời phản hồi sinh viên. Khi được hỏi liệu như học trực tuyến có mang lại hiệu quả không, sinh viên không đưa ra câu trả lời cụ thể đối với vấn đề này tuy vậy sinh viên có chiều hướng đánh giá thấp tính hiệu quả của việc học trực tuyến ( $M = 2.82$ ). Cũng tương tự các quan điểm trước đây, sinh viên hoàn toàn không mong muốn tiếp tục học trực tuyến cho dù họ đã thích nghi với việc học trực tuyến trên. Nhìn chung quan điểm của sinh viên với việc học trực tuyến là không khó để làm quen thích nghi với việc sử dụng hệ thống mạng Internet cho việc học, khai thác tài liệu, nhưng sinh viên cũng không có quan điểm rõ ràng về tính hiệu quả của việc học trực tuyến, và sinh viên cũng không muốn tiếp tục học trực tuyến.

Bảng 2 so sánh quan điểm của sinh viên nam và nữ đối với các yếu tố liên quan đến việc học trực tuyến, kết quả cho thấy rằng mức tin cậy (*Sig.*) của kiểm định phương sai đồng nhất giữa 2 nhóm Levene đều cao hơn 95%, từ đó ta quan sát mức tin cậy của biến 2 đầu (*Sig.* (2-tailed)) thấy rằng các kết quả ở hàng giả dụ phương sai giống nhau (Equal variances assumed) trên 0.05, từ đó kết luận rằng giữa hai nhóm nam và nữ không có sự khác biệt về quan điểm đối với việc học trực tuyến.

**Bảng 2. So sánh quan điểm giữa sinh viên về các nhân tố học trực tuyến**

F	Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means				
	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Dif- ference		
<b>Điều kiện kỹ thuật</b>	Equal variances assumed	.007	.931	-.446	55	.657	-.406
	Equal variances not assumed			-.450	54.60	.655	-.406
<b>Thiết bị phục vụ</b>	Equal variances assumed	.050	.824	.525	55	.602	.4504
	Equal variances not assumed			.530	54.72	.598	.4504
<b>Mối quan hệ sinh viên</b>	Equal variances assumed	.069	.794	.582	55	.563	.5807
	Equal variances not assumed			.583	53.55	.562	.5807
<b>Tương tác lớp học</b>	Equal variances assumed	.207	.651	1.323	55	.191	1.274
	Equal variances not assumed			1.334	54.66	.188	1.274
<b>Cảm nhận học trực tuyến</b>	Equal variances assumed	.092	.763	1.343	55	.185	1.303
	Equal variances not assumed			1.362	54.97	.179	1.303

Tại bảng 3 dưới đây chúng tôi đưa ra quan điểm của giảng viên về khai thác tài nguyên số vào mục đích dạy và học. Kết quả cho thấy rằng có sự khác biệt giữa quan điểm của giảng viên với sinh viên khi giảng viên cho rằng học trực tuyến thì tương tác hơn và thuận tiện hơn, trong khi đó sinh viên lại không có cùng quan điểm với giảng viên về vấn đề này. Giảng viên cho rằng họ cần được đào tạo thêm việc khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Giảng viên cũng đánh giá cao việc khai thác tài nguyên số vào mục đích nghiên cứu khoa học phục vụ việc dạy và học của họ. Giảng viên cho rằng họ đánh giá cao việc sử dụng nền tảng trực tuyến để giao tiếp với sinh

viên, nhưng sinh viên lại cho rằng việc giao tiếp quản lý lớp học của giảng viên gặp nhiều khó khăn, và sinh viên mong muốn được tương tác trực tiếp với giảng viên trên lớp học trực tiếp. Bên cạnh đó giảng viên rất đồng tình với việc hạn chế trao đổi thông tin ngoài lề trên lớp học trực tiếp, các thông tin như điểm số cũng không nên công khai cho mọi sinh viên biết điểm của nhau. Ngoài ra, giảng viên không đồng tình với việc chia sẻ nguồn tài nguyên cá nhân của họ với sinh viên qua hệ thống mạng, điều này hoàn toàn giống như những nghiên cứu trước đây [2], [5], [11] cho rằng việc chia sẻ tài nguyên của giảng viên mang tính chất bản quyền cá nhân.

**Bảng 3. Quan điểm của giảng viên về dạy-học trực tuyến**

	Đồng ý		Không đồng ý	
	Tần suất	Phần trăm	Tần suất	Phần trăm
1. Học trực tuyến tương tác hơn và thuận tiện hơn	9	52.9	8	47.1
2. Giảng viên cần được đào tạo thêm để thực hiện giảng dạy trực tuyến	11	64.7	6	35.3
3. Nền tảng dạy học trực tuyến có thể khai thác phục vụ cho việc kiểm tra đánh giá	14	82.4	3	17.6

4. Giảng viên cần sử dụng hệ thống hiện tại để đánh giá, đảm bảo việc dạy-học có hiệu quả	16	94.1	1	5.9
5. Sinh viên cần được rèn luyện khai thác tài nguyên số để phục vụ học tập hiệu quả hơn	8	47.1	9	52.9
6. Giảng viên cần khai thác tài liệu số để phục vụ nghiên cứu khoa học	15	88.2	2	11.8
7. Giảng viên sử dụng hệ thống hiện tại để giao tiếp, trao đổi, trợ giúp sinh viên học tập	13	76.5	4	23.5
8. Không nên trao đổi thông tin ngoài môn học với sinh viên trên hệ thống	14	82.4	3	17.6
9. Công khai điểm số của cả lớp trên hệ thống để sinh viên so sánh điểm của mình với sinh viên khác	2	11.8	15	88.2
10. Chia sẻ mọi tài nguyên kỹ thuật số của giảng viên với sinh viên trong môn học	4	23.5	13	76.5

### **2.3. Những giải pháp và khuyến nghị nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong dạy-học tại trường Đại học Luật Hà Nội**

Từ việc phân tích các yếu tố tác động, các khó khăn hạn chế ở trên, trong thời gian tới, để thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, không bỏ lỡ cơ hội mà cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 mang lại, những giải pháp đề xuất dưới đây cần được xem xét nhằm tăng hiệu quả của việc khai thác chuyển đổi số vào trong dạy và học:

- Phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của giảng viên cũng như cán bộ quản lý, các chuyên viên trong nhà trường về mô hình “giáo dục đại học số”, từ đó xây dựng văn hoá số trong các hoạt động của Nhà trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số trong hoạt động nhà trường. Cần kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu từ Bộ Tư pháp, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khác góp phần hình thành CSDL mở quốc gia. Nhà trường cần đẩy mạnh các dịch vụ trực tuyến phục vụ người học như các công tác tuyển sinh, xác nhận giấy tờ liên quan. Thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử nhằm thay thế tài liệu in ấn lãng phí. Quyết liệt chỉ đạo, điều hành, họp, tập huấn,... được thực hiện chủ yếu trên môi trường chuyển đổi số.

- Tăng cường chất lượng quản lý cơ sở dữ liệu theo các quy định về chia sẻ, khai thác dữ liệu phù hợp với các quy định về hành lang pháp lý. Cần xây dựng chính sách quản lý khóa học trực tuyến đảm bảo chất lượng thông qua các chế tài phù hợp tránh tình trạng mất kiểm soát, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người dạy, người học.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng chuyển đổi số nhằm phục vụ tốt việc dạy-học, đảm bảo tính bảo mật thông tin, hướng đến xây dựng một nền tảng dạy-học trực tuyến của riêng Nhà trường. Có thể thuê dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện xây dựng một hệ sinh thái riêng phục vụ dạy-học.

- Thúc đẩy phát triển học liệu số đến các đơn vị hướng đến việc phục vụ dạy-học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, và nghiên cứu khoa học. Khuyến khích việc tự học của sinh viên thông qua khai thác dữ liệu số do Nhà trường xây dựng.

- Nhà trường cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, cũng như an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số đặt ra.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi các khóa học, nghiên cứu khoa học với các đơn vị khác trong và ngoài nước thông qua nền tảng chuyển đổi số. Liên kết các thư viện điện tử uy tín khác nhằm phục vụ hoạt động dạy-học, nghiên cứu. Phát triển các khóa học trực tuyến mở với các trường trong và ngoài nước.

- Cuối cùng, ngành GDĐT đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số Quốc gia nói chung. Theo đó, ngành GDĐT cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ giải pháp cụ thể gồm: (1) Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực Việt Nam (HCI) theo phương pháp đánh giá chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc; (2) Lồng ghép nội dung giáo dục về chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là những kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với những yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 đưa vào giảng dạy trong nhà trường một cách phù hợp; (3) Thực hiện phổ cập tin học (như phổ cập xóa mù chữ), triển khai dạy tin học cơ bản, làm quen với tin học cho học sinh ở tất cả các cấp học, ngay từ khi đến trường, bổ túc kiến thức cho người dân, toàn xã hội, đặc biệt qua các trung tâm giáo dục cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên; (4) Tăng cường đào tạo nhân lực CNTT chuyên nghiệp theo hướng ứng dụng, phục vụ yêu cầu chuyển đổi số ở các ngành nghề khác nhau, lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực CNTT.



### 3. Kết luận

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là một xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay. Nhà trường cần xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi số hiệu quả để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo mặc dù việc chuyển đổi số này cần được xem là một lộ trình dài và có tính chiến lược, gắn với những cải cách kiên định, mạnh mẽ trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu, và quản lý đào tạo chứ không phải mang tính chất nhất thời đối phó. Trong chuyển đổi số, điều cốt lõi quyết định thành công đó là sự kiên quyết và quyết tâm triển khai chiến lược của quản trị nhà trường thay đổi chính mình và đội ngũ giảng viên, nhân viên chứ không phải là công nghệ hay kinh phí thực hiện. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học sẽ mang lại những giá trị thực tiễn cho Nhà trường, người dạy và người học.

### REFERENCES

- [1] Ministry of Information and Communications. *Digital Transformation Handbook*. [Online], Available: <https://dx.mic.gov.vn/doc-truc-tuyen/cam-nang-chuyen-doi-so/pdf/cam-nang-chuyen-doi-so.pdf>. [Accessed Jan. 18, 2022].
- [2] Q. T. N. Do, "Digital transformation in education: Challenges and risks," *Tia Sang Journal*, Feb 5th, 2021. [Online], Available: <https://tiasang.com.vn/giao-duc/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-nhung-thach-thuc-va-nguy-co-26836/>. [Accessed Jan. 12<sup>th</sup>, 2022].
- [3] V. T. T. Nguyen, "Digital transformation in higher education institutions," *State Management Review*, vol. 309, no. 10, pp. 8-13. Oct. 2021 [Online], Available: <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/327991/CVv219S3092021008.pdf>. [Accessed Jan. 12<sup>th</sup>, 2022].
- [4] Tran, C.P. T. L. Nguyen, T. A. Chu, X. C. Truong, T. H. V. Nguyen, V. T. Luong, D. L. Do, "Digital Transformation in Education," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 17, pp. 1-7, Oct. 5th, 2019. [Online], Available: <http://vj.es.vnies.edu.vn/en/digital-transformation-education>. [Accessed Jan. 10<sup>th</sup>, 2022].
- [5] Vu, T.V "The Impact of Social Networking Sites on Study Habits and Interpersonal Relationships among Vietnamese Students," *Journal of Language and Education*, vol. 7, no. 1, pp. 206-218. Mar. 31<sup>st</sup>, 2021. [Online], Available: <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3861811>. [Accessed Jan. 12<sup>th</sup>, 2022].
- [6] To, N.H. "Digital transformation in the field of education and training: Current situation and solutions," *Electronic Magazine Information and Communication*, June 7<sup>th</sup>. 2020. [Online], Available: <https://ictvietnam.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap-20200522150010574.htm>. [Accessed Jan. 13<sup>th</sup>, 2022].
- [7] Prime Minister, "National Digital Transformation Program to 2025, Orientation to 2030," *Vietnam Government Portal*, June 4<sup>th</sup>, 2020. [Online], Available: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2020/06/749.signed.pdf>. [Accessed Jan. 9, 2022].
- [8] Vice Prime Minister Đ. Đ. Vu, "Decision No. 146/QĐ-TTg approving the Project "Raising awareness, universalizing skills and developing human resources for national digital transformation to 2025, orientation to 2030"," Jan. 28<sup>th</sup>, 2022. [Online], Available: [http://moc.gov.vn/Images/FileVanBan/146-QĐ-TTg\\_28012022.signed.pdf](http://moc.gov.vn/Images/FileVanBan/146-QĐ-TTg_28012022.signed.pdf). [Accessed Jan. 9, 2022].
- [9] Minister of Education and Training, "Decision on Promulgating the Plan to strengthen the application of information technology and digital transformation in education and training for the period 2022-2025," Ministry of Education and Training, May 10<sup>th</sup>, 2022. [Online], Available: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/tang-cuong-ung-dung-cntt/Pages/chi-tiet-van-ban-chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3161>. [Accessed May 13<sup>th</sup>, 2022].
- [10] Dang, C. "Students love the subject more thanks to digital transformation," *Magazine Education & Era*, Jan. 8<sup>th</sup>, 2022. [Online], Available: <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/hoc-sinh-them-yeu-thich-mon-hoc-nho-chuyen-doi-so-ahyGh30ng.html>. [Accessed Jan. 12<sup>th</sup>, 2022].
- [11] Ngô, T.D. (2021). Theoretical Framework of Digital Transformation in Higher Education. *Journal of Science and Technology of Hoa Binh University vol. 1*, pp. 58-65, Sep. 2021. [Online], Available: <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/326596/2734-9896S12021058.pdf>. [Accessed Jan. 12<sup>th</sup>, 2022].